

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Hà Nội, tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	3
II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	3
III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	5
IV. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC	5
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO TƯƠNG LAI	6
VI. QUẢN LÝ RỦI RO	7

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

I. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2014	7
II. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH	10
III. CÁC CÔNG TY CON	10
IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	14

C. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

I. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT	17
II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	18
IV. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	19
V. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA PVI	19

D. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

A. THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần PVI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100151161
- Vốn điều lệ: 2.342 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.191 tỷ đồng
- Địa chỉ: 154 Nguyễn Thái Học, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 37342299
- Số fax: (84-4) 37342929
- Website: www.pvi.com.vn
- Mã cổ phiếu: PVI

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Ngày 23/01/1996, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập, với vai trò là công ty bảo hiểm nội bộ ngành Dầu khí, quản lý mọi rủi ro và tài sản của ngành ở trong nước và quốc tế.
- Ngày 05/7/2005 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Ba.
- Năm 2006, theo xu hướng của nền kinh tế thị trường, PVI tiến hành cổ phần hóa với một loạt những thay đổi về cơ cấu quản trị và chiến lược kinh doanh và được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. Và có thể nói, con đường thành công của PVI đã thực sự rộng mở từ đây.
- Ngày 30/12/2006 - PVI lần đầu chào bán cổ phần ra công chúng, lập kỷ lục phiên chào bán có số lượng đăng ký nhiều nhất.
- Ngày 19/6/2009 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì.
- Ngày 21/9/2010 - PVI được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất.

- Năm 2010, PVI trở thành doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam đầu tiên nhận được đánh giá xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt) của tổ chức xếp hạng danh tiếng A.M Best.
- Với việc trở thành đối tác chiến lược của Quỹ Đầu tư Oman (OIF) trong năm 2010 và hàng loạt các dự án tham vọng, PVI khẳng định vị thế số 1 của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, hoàn toàn thuyết phục Tạp chí World Finance (Anh) trao giải thưởng “Nhà Bảo hiểm tiêu biểu của năm 2010” cho mình.
- Ngày 27/5/2011 - PVI được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.
- Tháng 8/2011, PVI tái cấu trúc hoạt động theo mô hình Công ty mẹ (Công ty Cổ phần PVI) - Công ty con với 02 công ty trực thuộc hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (Tổng Công ty Bảo hiểm PVI) và tái bảo hiểm (Công ty Tái bảo hiểm PVI).
- Tháng 11/2011, PVI trở thành đối tác chiến lược của Tập đoàn Talanx (CHLB Đức).
- Tháng 7/2012, PVI cũng đã tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu Tập đoàn Talanx (Đức).
- Ngày 12/03/2013, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life đã chính thức ra mắt, hoàn thành chân kiềng kinh doanh thứ 3 của PVI là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

Mục tiêu của PVI Sun Life, công ty do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ và Sun Life Financial (Canada) sở hữu 49% vốn điều lệ, là trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ Việt Nam.

- Cũng trong năm 2013, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã hoàn thành chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ 668 tỉ đồng, trong đó 68,86% vốn thuộc về PVI. PVI Re cũng chính thức được chấp thuận là nhà tái bảo hiểm đủ tiêu chuẩn thuộc Security List của Talanx.
- Sau hơn 3 năm thi công với những nỗ lực và quyết tâm cao nhất, ngày 10/01/2014 - Công ty Cổ phần PVI đã long trọng tổ chức Lễ Khánh thành Tòa nhà PVI tại 168 Trần Thái Tông, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới của PVI tương xứng với tầm vóc của một Định chế Bảo hiểm - Tài chính hàng đầu Việt Nam.

- Ngày 15/01/2014, PVI vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý Huân chương Độc lập hạng Ba. Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba được tổ chức long trọng tại Tòa nhà PVI.

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh:

- KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
- KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ
- KINH DOANH TÁI BẢO HIỂM
- QUẢN LÝ VỐN - ĐẦU TƯ
- QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN

2. Địa bàn kinh doanh:

- HOẠT ĐỘNG TRÊN TOÀN QUỐC VÀ CÁC THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

IV. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức:

Phụ lục 01 đính kèm theo đây.

Trong năm 2014, PVI chủ động và tiếp tục thực hiện thành công công tác Tái cấu trúc doanh nghiệp, cụ thể như sau:

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Cơ cấu quản trị tại PVI được chia theo hai cấp, trong đó Công ty mẹ thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp và các Công ty con thực hiện chức năng kinh doanh trong 04 lĩnh vực kinh doanh lõi: bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm và quản lý quỹ. Trong năm 2014, bộ máy và nhân sự các Ban chức năng giúp việc Ban điều hành đã được tổ chức gọn nhẹ với sự phân công chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng, không chồng chéo. Qua đó, PVI đã từng bước hoàn thiện cơ cấu quản trị, áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị điều hành, xác định trách nhiệm và mối quan hệ giữa Công ty mẹ - Công ty con, công tác quản trị doanh nghiệp đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả.

VỀ NHÂN SỰ:

TẠI THỜI ĐIỂM 01/3/2015, TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TOÀN PVI LÀ 1.949 NGƯỜI. TRONG ĐÓ:

- Công ty mẹ - Công ty Cổ phần PVI: 42 người
- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI: 1.866 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 41 người

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO TƯƠNG LAI

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT CỦA PVI LÀ:

PVI NỖ LỰC PHÂN ĐÁU TRỞ THÀNH MỘT TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM - TÀI CHÍNH CÓ THƯƠNG HIỆU QUỐC TẾ UY TÍN, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNG ĐẦU VÀ DUY TRÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

PVI CAM KẾT CUNG CẤP SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT CHO KHÁCH HÀNG, ĐEM LẠI HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CAO NHẤT CHO CÁC CỔ ĐÔNG, KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐÓNG GÓP NGÀY Càng NHIỀU CHO XÃ HỘI. PVI HOẠT ĐỘNG TRÊN NGUYÊN TẮC MINH BẠCH - AN TOÀN - HIỆU QUẢ.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2015:

- Tiếp tục làm tốt nhiệm vụ là nhà quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong ngành Dầu khí, giữ vững thị phần trong ngành.
- Giữ vững vai trò là nhà bảo hiểm phi nhân thọ số 1 Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững.
- Tăng cường triển khai các dịch vụ ngoài lĩnh vực Dầu khí; Phát triển hệ thống bán lẻ có hiệu quả.
- Ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.
- Tăng cường hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm trong nước và quốc tế.
- Tái cấu trúc các đơn vị thành viên, thoái vốn tại các công ty liên kết theo phương án đã được Tập đoàn phê duyệt.
- Đầu tư cân trọng mang lại hiệu quả cao, đảm bảo an toàn nguồn vốn cho toàn hệ thống.

- Tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm quốc tế ở mức B++ (Tốt) cho lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và nâng xếp hạng tín nhiệm B++ cho lĩnh vực tái bảo hiểm.
- Rà soát, tiết kiệm chi phí, thực hiện quản trị chi phí nhằm đạt hiệu quả kinh doanh, tối ưu dòng vốn đầu tư của cổ đông.

VI. QUẢN LÝ RỦI RO

Quản lý rủi ro có ý nghĩa quan trọng đối với mọi tổ chức, doanh nghiệp. Hoạt động này mang ý nghĩa sống còn với các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm. Trong các năm qua, PVI luôn ý thức được vai trò của quản lý rủi ro và triển khai nghiêm túc công tác này trong mọi mặt hoạt động.

Năm 2014, PVI tích cực nâng cao quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế với mô hình kiểm soát tập trung, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý rủi ro cho toàn hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty. PVI liên tục tiến hành kiểm tra rà soát tính tuân thủ của các đơn vị, đặc biệt kiểm soát hoạt động của các Công ty con mới thành lập và chuyển đổi mô hình hoạt động như PVI Re, PVI Sun Life nhằm đảm bảo hoạt động đúng định hướng, bài bản, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn hệ thống.

Đồng thời, PVI cũng đang tiến hành triển khai nghiên cứu phương án xây dựng trung tâm đào tạo để xây dựng hệ thống nhân lực bài bản, chuyên nghiệp, đáp ứng kịp thời cho từng vị trí, từng lĩnh vực. Nguồn nhân lực mang tính phát triển lâu dài và gánh vác được các trọng trách của từng bộ phận, nhiệm vụ được giao.

Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro trong hoạt động, PVI vừa thực hiện đúng chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh vừa hạn chế và giảm thiểu những rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện. Do đó, PVI đã đảm bảo an toàn cho hoạt động của toàn hệ thống.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

I. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2014

NĂM 2014, TRONG BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM TÀI CHÍNH NHIỀU BIẾN ĐỘNG, PVI ĐÃ VƯỢT QUA KHÓ KHĂN CHUNG ĐỂ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM:

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT:

Tổng doanh thu năm 2014 của toàn PVI đạt **8.030 TỶ ĐỒNG**, hoàn thành 108,2% kế hoạch năm. Trong đó:

- Doanh thu bảo hiểm gốc đạt **5.987 TỶ ĐỒNG**, hoàn thành 107,8% kế hoạch năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính: **788 TỶ ĐỒNG**.
- Lợi nhuận trước thuế đạt: **361 TỶ ĐỒNG**.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: **246 TỶ ĐỒNG**.
- Nộp ngân sách nhà nước **560 TỶ ĐỒNG**.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY MẸ:

- Tổng doanh thu đạt: **608 TỶ ĐỒNG**.
- Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt: **244 TỶ ĐỒNG**.

TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC LÀ 9% như đã cam kết với Đại hội đồng cổ đông.

SỰ KIỆN VÀ DANH HIỆU NỔI BẬT NĂM 2014

	Ngày	Sự kiện
1	10/01/2014	Khánh thành tòa nhà PVI – PVI Tower. PVI Tower là tòa nhà văn phòng hạng A bao gồm văn phòng, khu phòng họp đa năng, phòng hội nghị tiêu chuẩn quốc tế, phòng máy chủ, nhà ăn, nhà hàng và dịch vụ khác.
2	15/01/2014	Đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba. Đây là phần thưởng cao quý cho những nỗ lực trong việc phát triển doanh nghiệp cùng những đóng góp hiệu quả vào nền kinh tế đất nước của các thế hệ CBNV PVI trong quá trình 18 năm hình thành và phát triển.
3	01/4/2014	PVI Sun Life ra mắt Hưu trí PVI Sun Life. Đến 31/12/2014, PVI Sun Life giữ vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm nhân thọ về Hưu trí tự nguyện.

4	26/4/2014	<p>Bảo hiểm PVI công bố nâng hạng xếp hạng năng lực tài chính của Tổ chức Xếp hạng Quốc tế A.M Best từ B+ (Tốt) lên B++ (Tốt).</p> <p>Theo A.M Best: Kết quả nâng hạng phản ánh khả năng đáp ứng yêu cầu vốn điều chỉnh theo rủi ro được cải thiện, kết quả hoạt động kinh doanh khả quan, vị thế vững chắc trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam và sự hỗ trợ từ các cổ đông.</p>
5	03/10/2014	<p>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vinh danh PVI trong Danh sách “30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2013 – 2014” và “15 Doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán tại HNX (2009 – 2014)”.</p> <p>Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2013 - 2014 là kết quả chương trình đánh giá công bố thông tin và minh bạch năm 2013 - 2014. Đây là chương trình tiếp nối thành công của kết quả đạt được năm 2012 - 2013 và nhằm thúc đẩy doanh nghiệp niêm yết nâng cao ý thức và cải thiện tình hình quản trị công ty, trước hết thông qua việc công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các quy định về quản trị công ty.</p>
6	17/10/2014	<p>Forbes Việt Nam vinh danh PVI trong Danh sách “50 Công ty Niêm yết Tốt nhất Việt Nam”.</p> <p>Danh sách "50 Công ty Niêm yết Tốt nhất Việt Nam" ghi nhận những công ty có hiệu quả kinh doanh tốt nhất được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Để được chọn vào danh sách này, các công ty phải có tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận trong vòng 3 năm liên tiếp. Danh sách bao gồm những công ty đang tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, mang lại lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư, cũng như đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế.</p>
7	02/12/2014	<p>PVI nằm trong danh sách Top 1000 Doanh nghiệp Nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam năm 2014 (V1000)</p>
8	11/12/2014	<p>PVI nằm trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp Lớn nhất Việt Nam năm 2014 (VNR500)</p>

9	31/12/2014	<p>Bảo hiểm PVI giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam năm 2014.</p> <p>Doanh thu bảo hiểm gốc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 5.722 tỷ đồng, tăng trưởng 17,7% so với năm 2013</p>
10	03/02/2015	<p>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép 55/GP-UBCK cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI.</p> <p>Việc ra đời Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI đã hoàn thiện mô hình hoạt động của PVI theo phương án tái cấu trúc, hoàn thiện trụ cột kinh doanh lõi cuối cùng của PVI.</p>

II. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH: *Phụ lục 02 đính kèm theo đây*

III. CÁC CÔNG TY CON

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI)

Tổng công ty Bảo hiểm PVI đã khép lại năm 2014 với nhiều thành công, là bản lề cho năm mới 2015 nhiều tham vọng và là hành trang quan trọng tiến tới chuỗi các hoạt động chào mừng 20 năm ngày thành lập PVI. Thành công nổi bật nhất chính là việc lần đầu tiên Bảo hiểm PVI duy trì dẫn đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong suốt năm 2014.

KẾT QUẢ 2014 ĐÚNG ĐỊNH HƯỚNG

Thực hiện mục tiêu đề ra từ đầu năm là phấn đấu dẫn đầu thị trường phi nhân thọ, hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận được giao, kết thúc năm 2014 Bảo hiểm PVI đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh do PVI giao trong đó doanh thu khối bán lẻ hoàn thành trên 105% kế hoạch đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả chung của công ty.

Bên cạnh việc tái tục thành công 100% các dịch vụ lớn trong lĩnh vực Dầu khí - Năng lượng, Bảo hiểm PVI tiếp tục thành công trong việc triển khai tư vấn và cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho một số dự án mới ngoài lĩnh vực Dầu khí - Năng lượng, nổi bật như:

- Bảo hiểm XDLĐ cho dự án cải tạo, nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 1; gói thầu xây lắp DA đường ô tô Tân Vũ – Lạch Huyện; đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi của Bộ GTVT; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1; Dự án

xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1 thành phố Hồ Chí Minh; Dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành,...

- Bảo hiểm tài sản và trách nhiệm cho Công ty cổ phần Sữa Việt Nam; tài sản cho tòa nhà Lotte Hà Nội cho Tập đoàn Lotte – Hàn Quốc;
- Cung cấp dịch vụ bảo hiểm hàng không cho Jetstar, Vietjet Air và đặc biệt là đứng đầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm hàng không hai năm 2015 - 2016 cho Vietnam Airlines;
- Bảo hiểm xây dựng cầu Vàm Cống thuộc dự án kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mêkông.

Điểm sáng trong kết quả kinh doanh của Bảo hiểm PVI, cũng phù hợp với định hướng của công ty, đó là hệ thống bán lẻ tăng trưởng cao, hoàn thành vượt mức các kế hoạch PVI giao:

- Xu hướng dịch chuyển cơ cấu doanh thu hệ thống bán lẻ đúng định hướng của công ty và thị trường: Tỷ trọng doanh thu bảo hiểm Con người, Xe cơ giới và Cháy tài sản đều tăng.
- Phát triển mạnh mạng lưới kinh doanh và đa dạng kênh khai thác:
- + Thành lập và đưa vào hoạt động ổn định Bảo hiểm PVI Thái Nguyên đồng thời ra mắt Bảo hiểm PVI Gia Định đưa tổng số công ty thành viên lên 27 đơn vị (không bao gồm Bảo hiểm PVI South);
- + Mở rộng các phòng Kinh doanh khu vực, Điểm giao dịch đã góp phần tăng hiện diện thương mại của Bảo hiểm PVI trên toàn quốc.
- + Hệ thống đại lý bắt đầu hoạt động ổn định và đem lại doanh thu bán lẻ tốt cho các đơn vị.
- + Phối hợp với PVI Sun Life triển khai bán chéo sản phẩm qua đại lý. Phối hợp tổ chức các hội nghị giới thiệu sản phẩm và bán chéo với PVI Sun Life.
- Chất lượng dịch vụ của hệ thống bán lẻ được nâng cao: thường xuyên đánh giá chất lượng và giá cả dịch vụ của các bệnh viện trong hệ thống bảo lãnh viện phí để tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ. Xây dựng và phát triển ổn định trung tâm dịch vụ khách hàng PVI Contact Center theo mô hình mới để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ của toàn hệ thống, đồng thời triển khai giám định trực tuyến trên các địa bàn trọng điểm để nâng cao hiệu quả quản lý công tác giám định và xử lý chi trả bồi thường bảo hiểm Xe cơ giới nhanh chóng cho khách hàng.

TIẾP BƯỚC THÀNH CÔNG 2015

Các kết quả năm 2014 đã khẳng định chủ trương, định hướng phát triển đúng đắn của Bảo hiểm PVI, đây là cơ sở để Bảo hiểm PVI tự tin triển khai các hoạt động và dự án mới trong năm 2015 với mục tiêu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao:

- Tiếp cận các dự án công trình giao thông mới;
- Duy trì chăm sóc tốt các khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí;
- Tiếp tục thành lập thêm các Chi nhánh, phòng Kinh doanh khu vực mới tại các địa bàn tiềm năng;
- Tăng thị phần của Bảo hiểm PVI tại từng khu vực địa bàn;
- Tiếp tục phát triển, mở rộng hệ thống bệnh viện bảo lãnh, đặc biệt ưu tiên phát triển các bệnh viện công lập, bệnh viện tại các tỉnh;
- Triển khai thực hiện tốt Bảo hiểm Tàu cá theo Nghị định của Chính phủ.

NHỮNG SỰ KIỆN LỚN CỦA BẢO HIỂM PVI NĂM 2014:

- **Dẫn đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2014.**
- **Hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu năm 2014;**
- **Doanh thu của hệ thống bán lẻ tăng trưởng trên 26%;**
- **Nâng hạng xếp hạng tín nhiệm tài chính của Tổ chức Xếp hạng quốc tế A.M. Best lên “B++” (Tốt);**
- **Thành lập thêm hai đơn vị là Bảo hiểm PVI Thái Nguyên và Bảo hiểm PVI Gia Định.**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE)

Được cấp phép vào tháng 7/2011, PVI Re - công ty con của PVI, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã nhanh chóng đi vào hoạt động với chiến lược trở thành công ty tái bảo hiểm chuyên nghiệp.

Tháng 10/2013, PVI Re đã được Bộ Tài chính cấp phép trở thành **Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI**.

Năm 2012, chỉ sau 8 tháng từ khi đi vào hoạt động, PVI Re đã được A.M Best xếp hạng năng lực tài chính ở mức B+ (Tốt) và được nâng mức triển vọng “Tích cực” vào năm 2014, tạo tiền đề thuận lợi cho việc nâng hạng vào các năm tiếp theo.

Kết thúc năm 2014, PVI Re đã đạt được một số công việc trọng tâm như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với tổng doanh thu đạt 1.898 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 118 tỷ đồng.
- Mô hình hoạt động mới vận hành tốt với đầy đủ quy trình, quy chế, quy định, nâng cao tính tuân thủ, kiểm soát trong toàn hệ thống.
- Chính sách khai thác được rà soát thường xuyên, linh hoạt phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn và diễn biến hình thị trường thực tế. Điều này giúp cho hiệu quả kinh doanh được cải thiện qua từng giai đoạn.
- Hệ thống công nghệ thông tin được hoàn thiện/nâng cấp đóng góp một vai trò quan trọng phục vụ công tác quản lý và kinh doanh.
- Bộ phận Marketing và Quản lý khách hàng được thành lập và triển khai, từng bước chuyên nghiệp hóa công tác phát triển thị trường và quản lý khách hàng.
- Đời sống cán bộ nhân viên được cải thiện.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 2015

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015.
- Tìm kiếm đối tác kinh doanh chiến lược.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị.
- Duy trì xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt), phấn đấu nâng hạng B++.
- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ nghiệp vụ và công tác quản lý.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

Ngày 24/01/2013 PVI Sun Life được Bộ Tài chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 68/GP/KDBH, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

Việc PVI Sun Life chính thức đi vào hoạt động đã hoàn thiện trụ cột kinh doanh thứ ba của PVI là bảo hiểm nhân thọ. Định hướng chiến lược phát triển của PVI Sun Life là trở thành doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam, thông qua việc kết hợp thế mạnh của hai đối tác: uy tín, thương hiệu và hiểu biết thị trường nội địa của PVI và kinh nghiệm toàn cầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và quản trị rủi ro

của Sun Life Financial. Sự kết hợp này sẽ mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tối ưu nhất.

Đầu năm 2014, PVI Sun Life đã tái cấu trúc các kênh bán hàng nhằm phù hợp hơn với mục tiêu kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của PVI Sun Life được triển khai theo 2 Kênh bán hàng chính là: Kênh Đại lý và Kênh Khách hàng doanh nghiệp.

Kênh Khách hàng doanh nghiệp tập trung vào kinh doanh Bảo hiểm Hưu trí và Chương trình phúc lợi do doanh nghiệp đóng phí của các công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các công ty nhà nước và các công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

Kênh Khách hàng doanh nghiệp đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2014, nhưng những khó khăn vẫn sẽ tiếp tục thách thức PVI Sun Life trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2015, đặc biệt trong bối cảnh giá dầu thô ở mức thấp và sản phẩm Hưu trí bắt buộc của Bộ LĐTBXH ra đời.

Trong giai đoạn đầu thành lập, PVI Sun Life đã tập trung xây dựng đội ngũ đại lý một cách nhanh chóng. Việc phát triển quá nhanh cũng để lại một số tồn tại. Hiện nay, PVI Sun Life đã điều chỉnh chiến lược phát triển đại lý, chậm hơn, chắc chắn hơn, và tập trung phát triển tại các khu vực có nhiều cơ hội thành công. Mục tiêu phát triển của Kênh Đại lý là tập trung vào “chất lượng” thay vì “số lượng”.

Song song với phát triển kênh bán hàng, PVI Sun Life còn chú trọng phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của khách hàng. Một trong những sản phẩm ưu việt mà PVI Sun Life cung cấp là hưu trí tự nguyện: Hưu trí PVI Sun Life. Sản phẩm Hưu trí PVI Sun Life ra mắt vào tháng 4/2014 và có doanh thu đầu tiên ngay trong quý II/2014. Thực tế triển khai sản phẩm hưu trí tự nguyện cho thấy tất cả các doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp sản phẩm này đều gặp nhiều khó khăn. Và trong bối cảnh đó, PVI Sun Life đã thiết lập và giữ vững vị trí số một thị trường trong lĩnh vực này trong năm 2014 với trên 85% thị phần.

IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG	SỐ LƯỢNG CP HIỆN TẠI	TỶ LỆ SỞ HỮU CP HIỆN TẠI
1	TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	83.149.740	35,50%

2	HDI-GERLING VERSICH-ERUNG AG (TALANX)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	74.531.503	31,82%
3	FUNDERBURK LIGHT-HOUSE LIMITED (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	27.117.895	11,58%
4	NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM (PVCOM BANK)	22 Ngõ Quyền, Hà Nội	Tài chính	14.593.243	6,23%
5	CỔ ĐỒNG KHÁC			34.849.486	14,87%

Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư luôn được PVI đặc biệt chú trọng và quan tâm. Đây là kênh thông tin hai chiều hiệu quả giữa nhà đầu tư và PVI. Thực tế, hoạt động này đã củng cố mối quan hệ vững chắc, tạo dựng niềm tin lâu dài giữa PVI và nhà đầu tư và góp phần không nhỏ vào sự phát triển lớn mạnh của PVI trong thời gian qua.

Trong công tác Quan hệ cổ đông của PVI, việc thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông cũng như đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các cổ đông luôn là giá trị cốt lõi xuyên suốt. Là một Công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), PVI luôn tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và HNX. Các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị... luôn được công ty cập nhật trên website chính thức của công ty (www.pvi.com.vn) cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bên cạnh đó, PVI cũng luôn chú trọng đến các thông tin về kế hoạch phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. PVI sẵn sàng cung cấp thông tin đa chiều để cổ đông và nhà đầu tư có một cái nhìn toàn diện về doanh nghiệp.

Trong những năm qua, bộ phận Quan hệ cổ đông của PVI đã làm tốt chức năng là cầu nối hữu hiệu gắn kết cổ đông, nhà đầu tư và doanh nghiệp. Không chỉ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các cổ đông mới có điều kiện đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, PVI luôn sẵn sàng đối thoại với cổ đông và các nhà đầu tư quan tâm, tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi với các Nhà đầu tư, các Quỹ, tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp nhận và giải đáp thắc mắc, cung cấp những thông tin về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của PVI. Đến với PVI, cổ đông dù là tổ chức hay cá nhân, dù là cổ đông lớn hay cổ đông nhỏ lẻ, luôn nhận được sự đón tiếp chân

thành, trao đổi cởi mở và hợp tác. Các câu hỏi và ý kiến của cổ đông thông qua điện thoại hay email trực tiếp luôn được PVI nhanh chóng phản hồi. Ngoài ra, PVI đã phát hành định kỳ Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về doanh nghiệp.

Ghi nhận những nỗ lực của PVI trong hoạt động kinh doanh và thông tin tới nhà đầu tư, năm 2014, PVI đã được vinh danh là 1 trong 15 Doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán tại HNX (2009 - 2014) và 1 trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2013 – 2014, đồng thời là 1 trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do tạp chí danh tiếng Forbes lựa chọn.

Năm 2014, kinh tế Mỹ khởi sắc, kinh tế Trung Quốc mất đà, trong khi Nhật Bản trở lại suy thoái, EU tiếp tục trì trệ, cùng với chính sách tiền tệ thắt chặt ở Mỹ, nới lỏng ở Nhật, khiến cho giá trị đồng USD ngày càng củng cố. Các NĐT quốc tế rút bớt tiền khỏi các thị trường ngoại biên, tập trung đầu tư vào đồng USD và TTCK Mỹ. Trong bối cảnh như vậy, các cổ đông lớn như Tập đoàn Talanx (CHLB Đức), Quỹ đầu tư OIF (Oman), Sun Life Financial (Canada)...vẫn giữ vững niềm tin với thị trường Việt Nam và PVI, gắn bó lâu dài với PVI.

Trong năm 2015, PVI sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông, tăng cường minh bạch hóa thông tin và tiếp nhận những phản hồi để hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp bằng các hoạt động cụ thể như:

- ✓ Tăng cường tham gia các buổi hội thảo, giao lưu trực tuyến với nhà đầu tư để trực tiếp giải đáp các vấn đề nhà đầu tư quan tâm. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận Quan hệ cổ đông và các Ban kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư kịp thời, hiệu quả.
- ✓ Nâng cấp website công ty, cập nhật các thông tin tài chính cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hướng tới việc công bố báo cáo tài chính theo cả Chuẩn mực Kế toán Việt nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS).
- ✓ Hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

PVI cam kết và khẳng định tôn chỉ hoạt động hướng về lợi ích Nhà đầu tư và Cổ đông - những người đã cùng đồng hành với PVI trên chặng đường phát triển những năm qua và trong những năm tiếp theo.

C. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

I. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

1. Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của PVI:
 - Ông Hussain Mohamed Redha Ali được bầu thay thế ông Badri Narayanan Santhana Krishnan làm thành viên HĐQT.
 - Ông Gerard Amal Wahab thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ông Phùng Tuấn Kiên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PVI kể từ ngày 13/11/2014.
3. Ông Trần Văn Quý, Phó Tổng giám đốc PVI, nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/01/2015.
4. Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: *Phụ lục 02 đính kèm theo đây.*

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị (HĐQT) PVI đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ PVI, đồng thời phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của PVI. Các kết quả đạt được cụ thể như sau:

1. Tổ chức thành công kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và 4 phiên họp HĐQT định kỳ trong năm. HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết để thực hiện việc chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban Điều hành..
2. Chỉ đạo PVI hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2014, thu được nhiều thành công trên các mặt hoạt động trong điều kiện kinh tế toàn cầu và Việt Nam còn nhiều khó khăn. Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) lần đầu tiên vượt lên chiếm lĩnh vị trí số 1 tại thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, trở thành nhà bảo hiểm đứng đầu thực hiện chương trình bảo hiểm hàng không cho Vietnam Airlines và tiếp tục là doanh nghiệp có lãi nghiệp vụ cao nhất trong số 5 doanh nghiệp lớn nhất thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã chuyển đổi hoạt động thành công theo mô hình công ty cổ phần, từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, đảm bảo tính tuân thủ, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life) đã tiến hành tái cấu trúc mạnh mẽ, tập trung xây dựng và phát triển hệ thống, dẫn đầu thị trường Bảo hiểm Hưu trí tự nguyện với trên 85% thị phần và là 1 trong những công ty có tốc độ tăng trưởng doanh thu nhanh nhất thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam.

3. Chỉ đạo tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua; kiện toàn mô hình tổ chức công ty mẹ và các công ty con, tăng cường kết nối hạ tầng và quản trị doanh nghiệp theo hệ thống thống nhất nhằm tối ưu hóa hoạt động của toàn PVI. Ngày 03/02/2015, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM) đã nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-UBCK từ Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Hiện nay, PVI AM đã cơ bản hoàn thiện mô hình tổ chức, xây dựng chiến lược phát triển cùng các quy chế, quy định quản trị doanh nghiệp và đã chính thức đi vào hoạt động từ 02/3/2015. Đây là điểm nhấn và là đơn vị cuối cùng giúp PVI hoàn chỉnh mô hình định chế Tài chính – Bảo hiểm với nền tảng là 4 trụ cột: Bảo hiểm phi nhân thọ - Bảo hiểm nhân thọ - Tái bảo hiểm – Đầu tư tài chính.

Ngoài ra, trong năm 2014, PVI đã tích cực làm việc với các đối tác chiến lược nước ngoài để chuẩn bị phương án tái cấu trúc PVI Insurance. PVI cũng đẩy mạnh công tác tìm kiếm, lựa chọn cổ đông chiến lược cho PVI Re để tiếp tục mở rộng quy mô, năng lực tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương hiệu, hỗ trợ các công ty con bảo vệ thành công xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M. Best. Năm 2014, PVI được vinh danh là 1 trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do tạp chí danh tiếng Forbes lựa chọn, đồng thời là 1 trong 15 Doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán tại HNX (2009 - 2014) và 1 trong 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX giai đoạn 2013 – 2014. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã nâng hạng tín nhiệm quốc tế của PVI Insurance từ mức B+ (Tốt) lên mức B++ (Tốt) với triển vọng nâng hạng Ổn định và PVI Re duy trì được mức xếp hạng B+ (Tốt) với triển vọng nâng hạng Tích cực.
5. HĐQT cũng đã chỉ đạo tăng vốn Điều lệ cho Bảo hiểm PVI lên 2.100 tỷ đồng nhằm nâng cao khả năng giữ lại và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) PVI do ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 và 2014 bầu ra, gồm 4 thành viên: 1 thành viên chuyên trách làm Trưởng ban và 3 thành viên kiêm nhiệm. Hàng quý, BKS tổ chức họp định kỳ giữa các thành viên với các nội dung: (i) Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước; (ii) Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện HĐQT, đại diện Ban Điều hành và các cán bộ có liên quan; (iii) Thống nhất những ý kiến đánh giá kiến nghị với PVI và (iv) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS. BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và

Quản trị rủi ro, Ban Chiến lược và Tuân thủ, Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc thực hành nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ; Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo của HĐQT.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế của người đại diện PVI tại các công ty con và công ty liên kết.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý trong năm 2014.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

IV. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2014, HĐQT PVI đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của PVI. Bên cạnh đó, HĐQT cũng phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của công ty.

Ban TGD đã điều hành các hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác của PVI theo sát những quyết sách của HĐQT, đảm bảo sự phối hợp hoạt động quản trị của PVI được hiệu quả.

Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban TGD. Ban TGD và các Ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát. Bên cạnh việc tăng cường kiểm tra định kỳ, Ban Kiểm soát vẫn duy trì sự độc lập trong mọi hoạt động của mình, nâng cao chất lượng công việc.

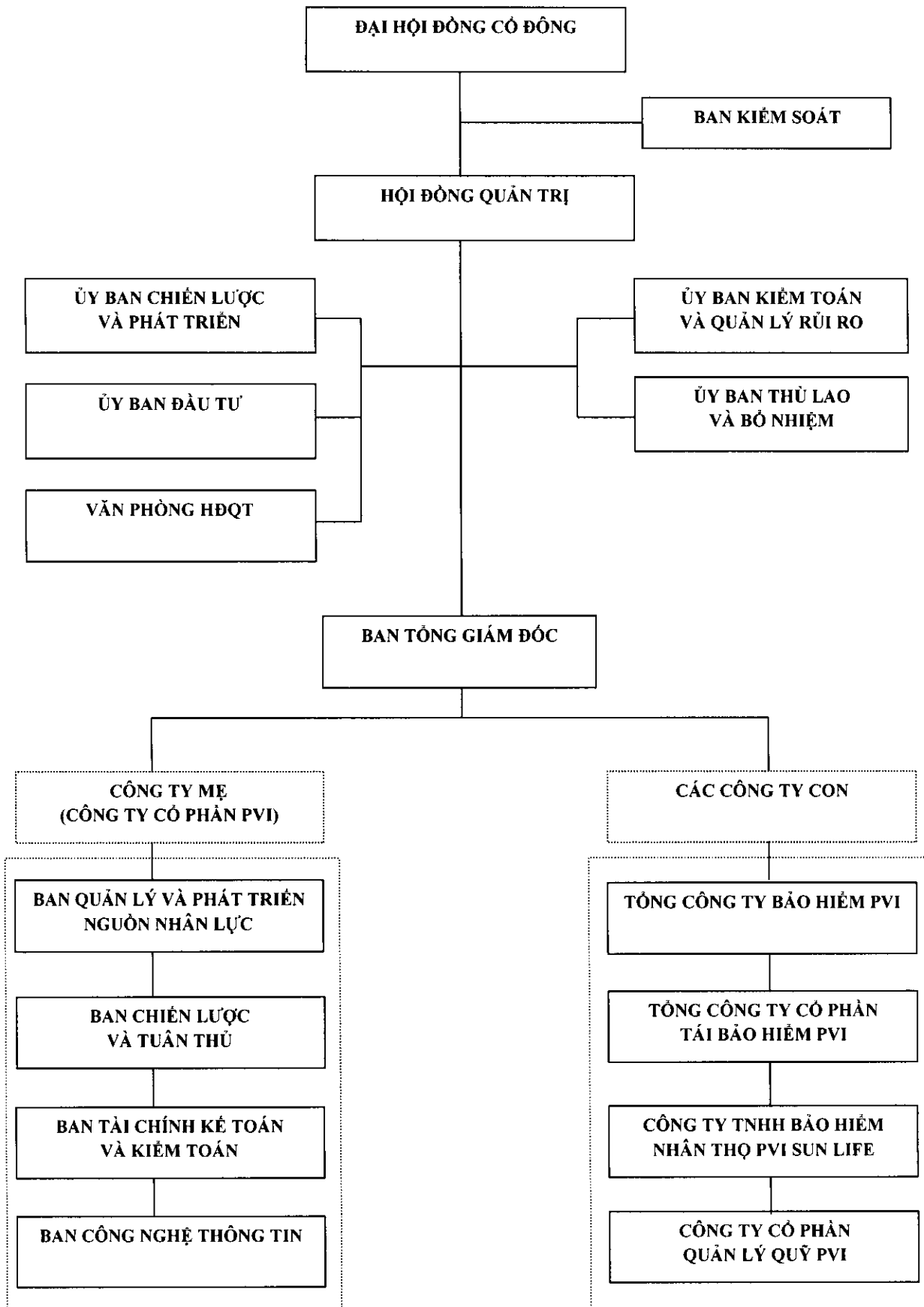
V. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA PVI

Năm 2014, dưới sự chỉ đạo sát sao của ban Lãnh đạo, kế thừa kết quả đạt được của các năm trước, PVI đã tiếp tục gặt hái được nhiều thành công. Với chiến lược phát triển dựa trên sự khác biệt, dựa trên thế mạnh của các đối tác chiến lược hàng đầu trong nước và quốc tế, dựa trên nền tảng hợp tác tin cậy lẫn nhau, PVI sẽ luôn đảm bảo lợi ích bền vững và hiệu quả đầu tư cao nhất cho các cổ đông. Với bề dày thành tích và những nỗ lực không ngừng nghỉ trong suốt 19 năm qua, mới đây PVI đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba cùng nhiều danh hiệu và giải thưởng của các tổ chức trong và ngoài nước.

Những thành quả đó đã khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn của PVI, khẳng định sự thành công của quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp, khẳng định tầm nhìn và tính sáng tạo của đội ngũ lãnh đạo, niềm tin và khát vọng của cán bộ nhân viên PVI.

Năm 2015, PVI sẽ hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo mô hình tái cấu trúc mới của PVI và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro cho toàn hệ thống; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tính tuân thủ trong toàn hệ thống; Thực hiện định hướng chiến lược từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên và hỗ trợ kịp thời các đơn vị thành viên trong việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, mở rộng mạng lưới, phát triển thương hiệu, sản phẩm. Để hoàn thiện mô hình quản trị, PVI sẽ chú trọng các giải pháp về nhân sự và công nghệ trong toàn hệ thống.

Phụ lục 01: Mô hình tổ chức Công ty cổ phần PVI



Phụ lục 02: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty	Quan hệ với CĐNB	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ*	Tỷ lệ	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ											
1	Nguyễn Anh Tuấn		Chủ tịch HĐQT						217.009	0,1%	
2	Bùi Vạn Thuận		Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc						88.188	0,04%	
3	Tôn Thiện Việt		Phó Chủ tịch HĐQT						0		
4	Nguyễn Khuyến Nguồn		Ủy viên HĐQT						0		
5	Ulrich Heinz Wollschläger		Ủy viên HĐQT						0		
6	Thanh Danh Francois Dương		Ủy viên HĐQT						0		
7	Tung Sing Lau		Ủy viên HĐQT						0		
8	Hussain Mohamed Redha Ali		Ủy viên HĐQT						0		
BAN KIỂM SOÁT											
1	Hà Lan		Trưởng BKS						32.767	0,014%	

2	Phan Thị Thu Huyền	Thành viên BKS								0	
3	Jens Hoiger Wohlthat	Thành viên BKS								0	
4	Oliver Massmann	Thành viên BKS								0	
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC											
1	Bùi Vạn Thuận	Tổng giám đốc								88.188	0,04%
2	Phạm Khắc Dũng	Phó TGD								0	
3	Phùng Tuấn Kiên	Phó TGD								49.793	0,02%
4	Trương Quốc Lâm	Phó TGD								98	
5	Vũ Văn Thắng	Phó TGD								0	
6	Phạm Anh Đức	Phó TGD								26.523	0,01%
7	Nguyễn Ngọc Minh	Phó TGD								0	
8	Trần Duy Cường	Kế toán trưởng								0	

*. Tính đến ngày 24/3/2015

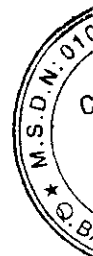
CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Santhana Krishnan Badri Narayanan	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2014)
Ông Trần Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

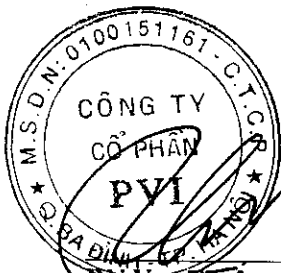
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

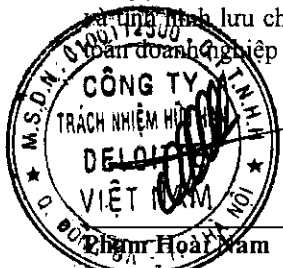
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phó Tổng Giám đốc

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy

Kiểm toán viên

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.822.718.740.754	2.587.397.882.374
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	151.663.776.558	257.368.437.285
1. Tiền	111		51.663.776.558	17.368.437.285
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	240.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.471.899.797.986	1.895.002.286.455
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.601.429.767.583	2.022.378.523.951
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(129.529.969.597)	(127.376.237.496)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.536.290.199	426.816.866.022
1. Phải thu khách hàng	131	7	118.435.852.692	258.932.322.756
2. Trả trước cho người bán	132	8	108.213.021.119	136.888.687.373
3. Các khoản phải thu khác	135	9	53.021.550.150	119.129.989.655
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(88.134.133.762)	(88.134.133.762)
IV. Hàng tồn kho	140		1.440.000	2.169.620.000
1. Hàng tồn kho	141		1.440.000	2.169.620.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.617.436.011	6.040.672.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.594.334.515	998.054.746
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		321.562.058	3.556.041.030
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		701.539.438	1.486.576.836
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		5.076.283.717.204	4.407.018.594.065
I. Tài sản cố định	220		820.046.456.914	1.181.503.542.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	126.141.035.510	15.121.478.673
Nguyên giá	222		163.298.332.031	42.532.046.503
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.157.296.521)	(27.410.567.830)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.420.133.333	1.756.914.468
Nguyên giá	228		22.817.112.000	20.527.112.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.396.978.667)	(18.770.197.532)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	691.485.288.071	1.164.625.149.059
II. Bất động sản đầu tư	240	13	892.790.999.983	-
Nguyên giá	241		915.980.376.607	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(23.189.376.624)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.302.094.663.839	3.139.513.969.675
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	3.121.000.000.000	2.871.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	122.316.450.509	240.721.893.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	328.360.970.155	250.360.970.155
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(269.582.756.825)	(222.568.893.680)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		61.351.596.468	86.001.082.190
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	61.091.958.068	85.741.443.790
2. Tài sản dài hạn khác	268		259.638.400	259.638.400
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.899.002.457.958	6.994.416.476.439

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		866.301.399.236	950.481.455.386
I. Nợ ngắn hạn	310		83.777.278.077	402.906.681.172
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	70.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		2.012.830.383	11.476.561.065
3. Người mua trả tiền trước	313		1.620.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	1.907.551.984	3.787.485.554
5. Phải trả người lao động	315		6.154.800.316	2.523.880.276
6. Chi phí phải trả	316		14.063.730.074	22.075.890.014
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	50.423.018.316	279.577.404.467
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.595.347.004	13.465.459.796
II. Nợ dài hạn	330		782.524.121.159	547.574.774.214
1. Phải trả dài hạn khác	333		12.747.173.135	9.132.555.262
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	530.000.000.000	538.185.996.452
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		249.408.750	256.222.500
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	22	239.527.539.274	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		6.032.701.058.722	6.043.935.021.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	6.032.701.058.722	6.043.935.021.053
1. Vốn điều lệ	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	414		(162.414.980.975)	(157.228.060.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		350.423.034.902	356.470.077.233
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.899.002.457.958	6.994.416.476.439

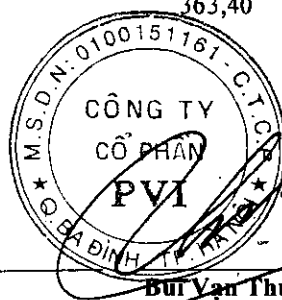
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	12.791,60	12.496,33
Euro	EUR	363,40	374,32

Lâm Thị Lan Phương
 Người lập biểu

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Trần Duy Cường
 Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

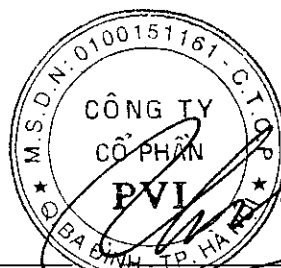
MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	118.437.495.562	15.624.894.747
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		118.437.495.562	15.624.894.747
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	98.785.792.630	7.643.600.000
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.651.702.932	7.981.294.747
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	489.179.084.374	616.171.517.208
6. Chi phí tài chính	22	28	127.332.206.932	194.369.045.497
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.816.766.505	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		137.152.031.704	148.496.383.539
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		244.346.548.670	281.287.382.919
9. Thu nhập khác	31		18.000.000	37.000.100
10. Chi phí khác	32		-	706.783.012
11. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		18.000.000	(669.782.912)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		244.364.548.670	280.617.600.008
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		244.364.548.670	280.617.600.008

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

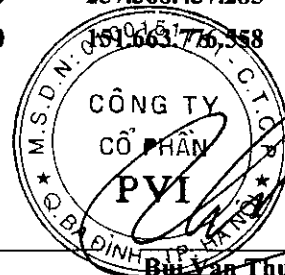
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2014	2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	348.029.309.832	16.311.265.501
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(268.735.257.406)	(126.444.531.399)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(29.867.117.757)	(35.099.669.994)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(59.675.832.524)	(50.144.444.444)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(34.033.957.363)	(13.001.703.607)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	241.607.555.253	310.459.188.240
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(40.572.180.990)	(1.062.740.820.311)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	156.752.519.045	(960.660.716.014)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(95.468.675.873)	(222.654.104.771)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.832.542.231.636)	(1.450.069.895.160)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.702.570.161.735	2.802.974.494.784
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(250.000.000.000)	(741.251.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	154.560.010.000	76.840.741.208
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	547.291.463.594	648.319.366.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	226.410.727.820	1.114.159.603.021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(5.186.920.000)	(19.008.710.360)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.246.867.391	163.185.996.452
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(96.432.863.843)	(55.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(405.494.991.140)	(124.724.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(488.867.907.592)	(35.547.323.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(105.704.660.727)	117.951.563.099
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	257.368.437.285	139.416.874.186
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	151.663.776.558	257.368.437.285

Lâm Thị Lan Phương
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 80 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 109 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết) và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và thuế trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa**

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “hướng dẫn về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá cần trích lập dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “hướng dẫn về chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích quỹ phúc lợi, khen thưởng, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	258.588.911	965.131.299
Tiền gửi ngân hàng	51.405.187.647	16.403.305.986
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000.000	240.000.000.000
	<u>151.663.776.558</u>	<u>257.368.437.285</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có thời gian đáo hạn trong vòng 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129.616.443.765	181.193.110.433
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (i)	740.000.000.000	520.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn	43.000.000.000	492.372.089.700
- <i>Hợp đồng ủy thác với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt (ii)</i>	-	432.372.089.700
- <i>Các khoản ủy thác khác</i>	43.000.000.000	60.000.000.000
Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (iii)	23.813.323.818	23.813.323.818
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (iv)	635.000.000.000	695.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác (v)	30.000.000.000	110.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(129.529.969.597)	(127.376.237.496)
	<u>1.471.899.797.986</u>	<u>1.895.002.286.455</u>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng phản ánh tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 01 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (ii) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.
- (iii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá thị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn từ 9 tháng tới 1 năm và có thể thanh lý trước hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.
- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty có chức năng định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà đối tác không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng về khả năng tài chính của đối tác cũng như giá trị tài sản bảo đảm và thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản đầu tư có dấu hiệu suy giảm giá trị.
- (v) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam có giá trị 30 tỷ đồng đã được các cổ đông thông qua phương án và kế hoạch giải thể công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	118.435.852.692	258.932.322.756
Phải thu về hoạt động tài chính	116.586.942.852	218.993.274.494
Các khoản phải thu khác của khách hàng	1.848.909.840	39.939.048.262
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(88.134.133.762)	(88.134.133.762)
Dự phòng phải thu lãi ủy thác đầu tư dài hạn	(39.877.039.901)	(39.877.039.901)
Dự phòng phải thu lãi đầu tư tài chính ngắn hạn	(48.257.093.861)	(48.257.093.861)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua căn hộ	96.191.095.147	96.191.095.147
Trả trước khác	12.021.925.972	40.697.592.226
	<u>108.213.021.119</u>	<u>136.888.687.373</u>

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	-	47.321.768.568
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	45.137.690.683	64.065.763.991
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	2.089.873.763	337.608.000
Khác	5.793.985.704	7.404.849.096
	<u>53.021.550.150</u>	<u>119.129.989.655</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	19.825.224.463	10.552.440.384	12.154.381.656	42.532.046.503
Tăng trong năm	77.799.623.393	-	43.266.683.135	121.066.306.528
- Mua sắm mới	-	-	43.266.683.135	43.266.683.135
- Tam tăng từ XDCB (i)	77.799.623.393	-	-	77.799.623.393
Giảm khác trong năm	-	-	300.021.000	300.021.000
Tại ngày 31/12/2014	97.624.847.856	10.552.440.384	55.121.043.791	163.298.332.031
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	10.942.876.998	6.810.090.551	9.657.600.281	27.410.567.830
Trích khấu hao	2.896.728.857	1.567.363.053	5.309.487.975	9.773.579.885
Giảm khác trong năm	-	-	26.851.194	26.851.194
Tại ngày 31/12/2014	13.839.605.855	8.377.453.604	14.940.237.062	37.157.296.521
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	83.785.242.001	2.174.986.780	40.180.806.729	126.141.035.510
Tại ngày 31/12/2013	8.882.347.465	3.742.349.833	2.496.781.375	15.121.478.673

(i) Thể hiện phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá trị này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.528.178.704 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.088.036.758 đồng).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	20.527.112.000
Tăng trong năm	2.290.000.000
Tại ngày 31/12/2014	22.817.112.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	18.770.197.532
Trích khấu hao trong năm	1.626.781.135
Tại ngày 31/12/2014	20.396.978.667
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	2.420.133.333
Tại ngày 31/12/2013	1.756.914.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội (i)	257.816.082.102	1.164.281.365.059
Dự án Costa Nha Trang (ii)	432.372.089.700	-
Khác	1.297.116.269	343.784.000
	<u>691.485.288.071</u>	<u>1.164.625.149.059</u>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.
- (ii) Thể hiện giá trị các căn hộ tại dự án Costa Nha Trang mà Công ty đã nhận chuyển nhượng và bàn giao tài sản từ Công ty Cổ phần TD và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt, tương ứng với giá trị hợp đồng ủy thác kinh doanh vốn có chỉ định mục đích với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt như trình bày tại Thuyết minh số 6. Hiện tại, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu và hoàn thiện các công đoạn cuối cùng để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	-
Tạm tăng từ XD/CB (i)	915.980.376.607
Tại ngày 31/12/2014	<u>915.980.376.607</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	-
Trích khấu hao trong năm	23.189.376.624
Tại ngày 31/12/2014	<u>23.189.376.624</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	<u>892.790.999.983</u>
Tại ngày 31/12/2013	-

- (i) Thể hiện phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê. Giá trị này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Theo đánh giá của Công ty, Công ty thực hiện mua bất động sản đầu tư theo giá thị trường nên giá trị bất động sản đầu tư đang ghi nhận trên sổ sách kế toán đã phản ánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.100.000.000.000	1.850.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	460.000.000.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	561.000.000.000	561.000.000.000
	<u>3.121.000.000.000</u>	<u>2.871.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	TP. Hồ Chí Minh	51	51	Bảo hiểm nhân thọ

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (i)	122.316.450.509	138.721.893.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt (ii)	-	102.000.000.000
	<u>122.316.450.509</u>	<u>240.721.893.200</u>

- (i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 1.608.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 theo hình thức khớp lệnh.
- (ii) Công ty đã chuyển nhượng 2.400.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt theo Hợp đồng số 01/2014/PVI-BMT ngày 05 tháng 3 năm 2014 với giá trị chuyển nhượng bằng mệnh giá, tương đương 24.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt sau khi chuyển nhượng là 19,5% tương đương 78 tỷ đồng và phần vốn còn lại này được chuyển sang phần cổ phiếu trong danh mục đầu tư dài hạn khác tại Thuyết minh 16.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội, Việt Nam	32,1	32,1	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Cổ phiếu	158.253.609.354	80.253.609.354
Ủy thác đầu tư (i)	170.107.360.801	170.107.360.801
	<u>328.360.970.155</u>	<u>250.360.970.155</u>

- (i) Phản ánh số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo Hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản ủy thác cho vay này đã quá hạn trả gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ gốc và lãi quá hạn với tổng số tiền là 209.984.400.702 đồng (trong đó dự phòng cho gốc quá hạn là 170.107.360.801 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 17 và dự phòng cho lãi quá hạn là 39.877.039.901 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 7) trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất về khả năng trả nợ của đối tác.

17. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(41.760.501.276)	-
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(50.689.246.821)	(45.943.537.492)
Dự phòng ủy thác đầu tư dài hạn	(170.107.360.801)	(170.107.360.801)
Khác	(7.025.647.927)	(6.517.995.387)
	<u>(269.582.756.825)</u>	<u>(222.568.893.680)</u>

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	85.741.443.790	112.074.406.535
Tăng	7.530.178.738	3.031.360.429
Phân bổ vào chi phí trong năm	(32.179.664.460)	(29.364.323.174)
Tại ngày 31/12	<u>61.091.958.068</u>	<u>85.741.443.790</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	<u>31/12/2013</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>31/12/2014</u>
		<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	632.212.045	15.631.927.687	14.925.809.414	1.338.330.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.891.110.822	142.003.798	2.295.579.062	(262.464.442)
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	1.264.162.687	16.377.092.308	16.809.568.887	831.686.108
	<u>3.787.485.554</u>	<u>32.154.023.793</u>	<u>34.033.957.363</u>	<u>1.907.551.984</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	113.841.560.568
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	33.605.154.159	40.197.208.333
Cổ tức phải trả (ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	-	114.484.021.600
Phải trả khác	16.817.864.157	11.054.613.966
	<u>50.423.018.316</u>	<u>279.577.404.467</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (i)	530.000.000.000	502.397.110.500
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	35.788.885.952
	<u>530.000.000.000</u>	<u>538.185.996.452</u>

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) bao gồm 2 khoản:

- a) Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 72.700.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động đồng kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 430.000.000.000 đồng.

- b) Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 21.232.851.750 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 100.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	-	70.000.000.000
Trong năm thứ hai	66.500.000.000	156.849.277.626
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	463.500.000.000	381.336.718.826
	<u>530.000.000.000</u>	<u>608.185.996.452</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	70.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>530.000.000.000</u>	<u>538.185.996.452</u>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng tại tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	thuế chưa phân phối	
Tại ngày 01/01/2013	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(138.219.350.615)	179.211.820.775	293.418.355.134	5.999.892.009.314
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(19.008.710.360)	-	-	(19.008.710.360)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	280.617.600.007	280.617.600.007
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(29.861.384.229)	(29.861.384.229)
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	(181.003.813.600)	(181.003.813.600)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(3.762.203.029)	(3.762.203.029)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.938.477.050)	(2.938.477.050)
Tại ngày 01/01/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	179.211.820.775	356.470.077.233	6.043.935.021.053
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(5.186.920.000)	-	-	(5.186.920.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	244.364.548.670	244.364.548.670
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(24.997.424.001)	(24.997.424.001)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(225.414.167.000)	(225.414.167.000)
Tại ngày 31/12/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	350.423.034.902	6.032.701.058.722

(i) Tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, cổ tức của năm 2013 được trả với tỷ lệ 10% mệnh giá (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu).

Ngày 06 tháng 6 năm 2014, theo Nghị quyết số 07/NQ-PVI, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án trả cổ tức của năm 2013 với tỷ lệ 10% mệnh giá bằng tiền mặt. Toàn bộ số cổ tức này đã được Công ty thanh toán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ

	Vốn góp tại ngày		Vốn góp tại ngày	
	31/12/2014	Tỷ lệ	31/12/2013	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	35,50%	831.497.400.000	35,50%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82%	745.315.030.000	31,82%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58%	271.178.950.000	11,58%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,22%	145.932.430.000	6,22%
Cổ đông khác	348.494.860.000	14,88%	348.494.860.000	14,88%
	2.342.418.670.000	100%	2.342.418.670.000	100%

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.083.700	8.827.700
Cổ phiếu phổ thông	9.083.700	8.827.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.158.167	225.414.167
Cổ phiếu phổ thông	225.158.167	225.414.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	100.736.477.770	5.483.572.364
Doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	16.146.472.337	8.706.500.000
Doanh thu các hoạt động khác	1.554.545.455	1.434.822.383
	118.437.495.562	15.624.894.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	83.358.283.930	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	15.427.508.700	7.643.600.000
	98.785.792.630	7.643.600.000

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	10.305.203.060	7.869.594.677
Chi phí nhân công	41.900.888.171	40.384.267.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.589.737.644	8.049.019.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.129.530.700	27.981.849.754
Chi phí khác	77.012.464.759	71.855.251.753
	235.937.824.334	156.139.983.539

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.515.947.291	63.662.149.277
Lãi đầu tư trái phiếu	5.439.760.274	7.593.287.671
Lãi kinh doanh cổ phiếu	13.081.578.960	4.531.422.481
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	20.330.413.314	56.674.394.367
Cổ tức, lợi nhuận được chia	337.766.852.448	344.236.404.806
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh Repo	-	4.065.553.864
Doanh thu hoạt động tài chính khác	56.044.532.087	135.408.304.742
	489.179.084.374	616.171.517.208

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	8.269.910.698	252.447.897
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	49.167.595.246	155.783.348.224
Chi phí lãi vay	41.816.766.505	-
Chi phí tài chính khác	28.077.934.483	38.333.249.376
	127.332.206.932	194.369.045.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	244.364.548.670	280.617.600.008
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(337.766.852.448)	(344.236.404.806)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(337.766.852.448)	(344.236.404.806)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.465.132.863	52.792.034.687
- Thù lao Hội đồng Quản trị	76.000.000	72.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	104.333.333	104.333.333
- Chi phí giao dịch không được khấu trừ	2.139.832.170	33.788.924.388
- Chi phí khác không được khấu trừ	4.144.967.360	18.826.776.966
Thu nhập chịu thuế	(86.937.170.915)	(10.826.770.111)
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Lỗ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 86.937.170.915 đồng. Tuy nhiên, Công ty không chắc chắn về việc có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng cho các khoản lỗ tính thuế này, do vậy Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ tính thuế nêu trên.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 75% giá trị hợp đồng.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI ("PVI Asset Management - PVI AM") với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, trong đó Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) góp 32.500.000.000 đồng tương ứng với 65%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVITòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	530.000.000.000	608.185.996.452
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	151.663.776.558	257.368.437.285
Nợ thuần	378.336.223.442	350.817.559.167
Vốn chủ sở hữu	<u>6.032.701.058.722</u>	<u>6.043.935.021.053</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,06</u>	<u>0,06</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.663.776.558	257.368.437.285
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.323.269.080	289.928.178.649
Đầu tư ngắn hạn	1.471.899.797.986	1.895.002.286.455
Đầu tư dài hạn	151.227.961.427	73.735.613.967
Tài sản tài chính khác	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	<u>1.858.124.805.051</u>	<u>2.516.044.516.356</u>
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	-	70.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	52.435.848.699	291.053.965.532
Chi phí phải trả	14.063.730.074	22.075.890.014
Phải trả dài hạn khác	12.747.173.135	9.132.555.262
Vay và nợ dài hạn	530.000.000.000	538.185.996.452
Tổng cộng	<u>609.246.751.908</u>	<u>930.448.407.260</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng là 10,6 tỷ đồng.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ trong dài hạn và sẽ chuyển nhượng khi có điều kiện thuận lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 16.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.997.109.891	-	154.997.109.891
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.323.269.080	-	83.323.269.080
Đầu tư ngắn hạn	1.513.345.353.541	-	1.513.345.353.541
Đầu tư dài hạn	-	151.227.961.427	151.227.961.427
Tài sản tài chính khác	10.000.000	-	10.000.000
Tổng cộng	1.751.675.732.512	151.227.961.427	1.902.903.693.939
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	52.435.848.699	-	52.435.848.699
Chi phí phải trả	14.063.730.074	-	14.063.730.074
Phải trả dài hạn khác	-	12.747.173.135	12.747.173.135
Vay và nợ dài hạn	44.000.000.000	623.482.834.000	667.482.834.000
Tổng cộng	110.499.578.773	636.230.007.135	746.729.585.908
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.641.176.153.739	(485.002.045.708)	1.156.174.108.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.368.930.436	-	261.368.930.436
Phải thu khách hàng và phải thu khác	289.928.178.649	-	289.928.178.649
Đầu tư ngắn hạn	1.948.786.323.800	-	1.948.786.323.800
Đầu tư dài hạn	-	73.735.613.967	73.735.613.967
Tài sản tài chính khác	10.000.000	-	10.000.000
Tổng cộng	2.500.093.432.885	73.735.613.967	2.573.829.046.852
31/12/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	80.050.444.444	-	80.050.444.444
Phải trả người bán và phải trả khác	291.053.965.532	-	291.053.965.532
Chi phí phải trả	22.075.890.014	-	22.075.890.014
Phải trả dài hạn khác	-	9.132.555.262	9.132.555.262
Vay và nợ dài hạn	66.800.832.417	653.691.434.885	720.492.267.302
Tổng cộng	459.981.132.407	662.823.990.147	1.122.805.122.554
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.040.112.300.478	(589.088.376.180)	1.451.023.924.299

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần PVI.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

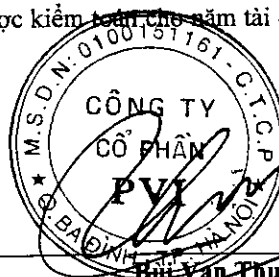
Theo Giấy phép số 55/GP-UBCK ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI được thành lập với số vốn góp của Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) là 32.500.000.000 đồng, tương ứng với 65% vốn điều lệ.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Lâm Thị Lan Phương
 Người lập biểu

Trần Duy Cường
 Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 42

ÔNG
NHÌ
LO
T I

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Santhana Krishnan Badri Narayanan	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2014)
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2014)



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

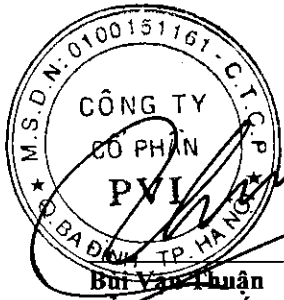
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Số: 647 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

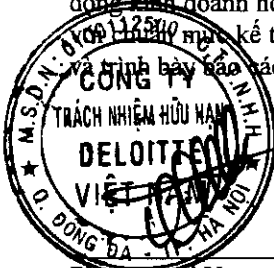
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp và trình bày báo cáo tài chính.
và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 06 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		13.167.914.799.013	10.290.581.231.152
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.981.204.511.746	2.672.078.875.363
1. Tiền	111		713.824.511.746	530.568.875.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.267.380.000.000	2.141.510.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.124.327.426.893	6.135.134.387.096
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.337.857.396.490	6.327.438.523.951
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(213.529.969.597)	(192.304.136.855)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.822.017.548.322	1.411.581.033.655
1. Phải thu khách hàng	131	7	6.809.399.005.259	1.375.440.865.030
2. Trả trước cho người bán	132	8	160.116.474.490	143.617.919.273
3. Các khoản phải thu khác	135	9	59.142.102.469	103.824.919.718
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(206.640.033.896)	(211.302.670.366)
IV. Hàng tồn kho	140		2.111.139.320	2.447.356.770
1. Hàng tồn kho	141		2.111.139.320	2.447.356.770
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		238.254.172.732	69.339.578.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		204.062.936.668	28.232.403.747
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.840.552.246	5.939.350.660
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	32.350.683.818	35.167.823.861
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		5.162.503.611.894	2.109.292.573.464
I. Tài sản cố định	220		990.927.819.416	1.377.941.529.079
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	216.117.044.728	122.772.727.289
Nguyên giá	222		346.342.799.584	216.018.932.399
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.225.754.856)	(93.246.205.110)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	83.325.486.617	90.543.652.731
Nguyên giá	228		155.273.976.177	132.312.192.048
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.948.489.560)	(41.768.539.317)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	691.485.288.071	1.164.625.149.059
II. Bất động sản đầu tư	240	14	892.790.999.983	-
Nguyên giá	241		915.980.376.607	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(23.189.376.624)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.138.748.459.472	596.723.428.748
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	73.157.256.108	199.045.745.661
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	3.266.602.241.269	590.804.798.705
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(201.011.037.905)	(193.127.115.618)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		140.036.333.023	134.627.615.637
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	106.669.285.239	104.062.011.034
2. Tài sản dài hạn khác	268		33.367.047.784	30.565.604.603
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		18.330.418.410.907	12.399.873.804.616

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

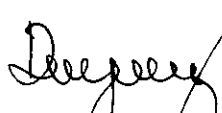
MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

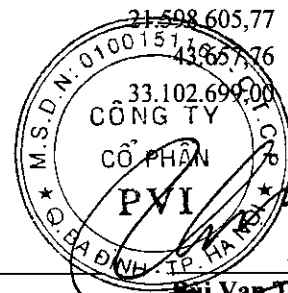
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.442.921.663.816	5.479.960.157.619
I. Nợ ngắn hạn	310		10.860.475.181.987	4.930.377.481.511
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	70.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	19	1.581.334.210.913	1.512.631.360.878
3. Người mua trả tiền trước	313		199.863.269.988	46.957.534.322
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	64.174.063.426	103.864.808.487
5. Phải trả người lao động	315		32.444.188.496	45.762.942.364
6. Chi phí phải trả	316		40.983.957.120	52.581.227.508
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	87.334.531.869	302.452.370.434
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	22	8.845.678.974.232	2.782.542.926.994
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.661.985.943	13.584.310.524
II. Nợ dài hạn	330		582.446.481.829	549.582.676.108
1. Phải trả dài hạn khác	333		12.797.924.342	9.185.306.469
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	530.000.000.000	538.185.996.452
3. Dự phòng phải trả dài hạn	336		2.191.707.437	2.211.373.187
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		37.456.850.050	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		6.191.230.749.944	6.174.698.734.599
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	6.191.230.749.944	6.174.698.734.599
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	414		(162.414.980.975)	(157.228.060.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		107.238.446.440	88.301.438.400
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		401.714.279.684	398.932.352.379
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		696.265.997.147	745.214.912.398
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		18.330.418.410.907	12.399.873.804.616

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.782.757.796.994	1.874.982.740.548
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	45.523.584.792	39.634.632.565
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	21.598.605,77	18.165.310,50
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	43.657,76	71.421,41
Yên Nhật	JPY	33.102.699,00	15.395,52


Đoàn Thị Hồng Thủy
Người lập biểu
Ngày 06 tháng 3 năm 2015


Trần Duy Cường
Kế toán trưởng




Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

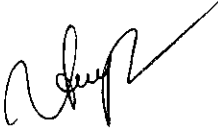
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

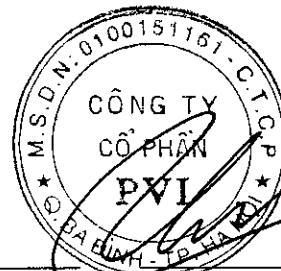
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	7.312.519.573.195	7.337.884.369.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4.046.128.204.562	4.574.256.404.102
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.266.391.368.633	2.763.627.965.867
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	2.746.213.690.399	1.186.236.224.106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		520.177.678.234	1.577.391.741.761
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	699.689.502.934	734.442.318.225
7. Chi phí tài chính	22	31	183.074.367.529	239.709.869.782
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.930.299.838	-
8. Chi phí bán hàng	24		52.527.916.692	946.600.387.648
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		619.413.279.812	533.250.801.430
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		364.851.617.135	592.273.001.126
11. Thu nhập khác	31		18.098.439.478	1.824.773.703
12. Chi phí khác	32		13.430.349.648	2.544.039.220
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		4.668.089.830	(719.265.517)
14. Phần (lỗ) thuần trong Công ty liên kết	45		(8.374.141.764)	(53.655.810.905)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		361.145.565.201	537.897.924.704
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	115.436.239.789	182.459.885.350
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		245.709.325.412	355.438.039.354
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(33.041.999.694)	24.952.228.785
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		278.751.325.106	330.485.810.569
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.237	1.461


 Đoàn Thị Hồng Thủy
 Người lập biểu


 Trần Duy Cường
 Kế toán trưởng




 Bùi Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015

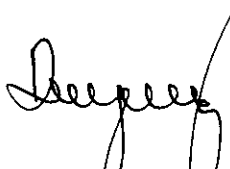
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

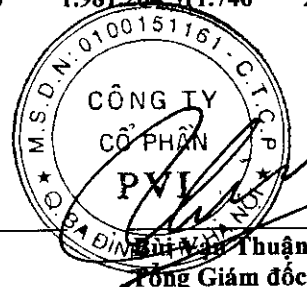
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.446.697.371.696	6.651.213.667.684
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4.984.517.670.970)	(4.538.149.635.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(457.950.350.099)	(321.687.079.260)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(59.675.832.524)	(50.144.444.444)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(600.434.305.075)	(534.386.879.496)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	958.946.909.609	1.065.561.969.305
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.074.416.361.787)	(1.844.969.009.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	228.649.760.850	427.438.588.649
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(178.256.882.823)	(273.563.412.062)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	361.910.111	104.863.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.807.522.317.766)	(7.855.063.636.368)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.686.294.703.959	7.298.244.264.232
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(30.251.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	154.560.010.000	76.840.741.208
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	727.897.199.644	571.657.525.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(416.665.376.875)	(212.030.654.262)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31	-	718.700.000.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(5.186.920.000)	(19.008.710.360)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	273.696.867.391	163.185.996.452
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(351.882.863.843)	(55.000.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(419.485.831.140)	(124.724.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(502.858.747.592)	683.152.676.092
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(690.874.363.617)	898.560.610.479
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.672.078.875.363	1.773.518.264.884
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.981.204.511.746	2.672.078.875.363


 Đoàn Thị Hồng Thủy
 Người lập biểu


 Trần Duy Cường
 Kế toán trưởng



Ngày 06 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là PVI.

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Reinsurance)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life)

Thông tin chi tiết về Công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	2.100.000.000.000	100%
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh tái bảo hiểm	668.000.000.000	73,11%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life	20-22 Phạm Ngọc Thạch, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ	1.100.000.000.000	51%

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.290 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.935 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư (không bao gồm đầu tư vào công ty liên kết) và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng bồi thường và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đối với hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm, Công ty áp dụng hạn thanh toán cho tất cả các khoản công nợ tái bảo hiểm là 9 tháng kể từ ngày phát sinh, theo đó dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu sau 15 tháng kể từ ngày phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và thuế trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (được thay thế bằng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013). Theo đó, "Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)". Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá cần trích lập dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị nhận đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, theo đó:

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính trên phí nhượng tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo. Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo từ khách hàng, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên thống kê dữ liệu quá khứ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng toán học: Dự phòng toán học được xác định theo phương pháp phí bảo hiểm thuần hoặc phí bảo hiểm toàn phần được xác định riêng cho từng loại sản phẩm bảo hiểm và được dựa trên cơ sở các giả định, phương pháp đã được Công ty đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài chính.

Dự phòng phí chưa được hưởng: Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập đối với doanh thu phí bảo hiểm cho giai đoạn sau ngày kết thúc năm tài chính đã được ghi nhận trong năm. Dự phòng phí chưa được hưởng được Công ty trích lập đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới và trên 1 năm.

Dự phòng bồi thường: Dự phòng bồi thường được trích lập theo phương pháp tổng hợp các khiếu nại hoặc tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm là một (01) phần trăm từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm (05) phần trăm phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí tự nguyện:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã phát sinh trách nhiệm và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều kỳ.

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm phí bảo hiểm đóng một lần và phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được bảo đảm bằng giá trị giải ước của hợp đồng. Các khoản phí bảo hiểm chưa đến hạn nhưng lại được thu trước ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận như “Phí bảo hiểm ứng trước” và được bao gồm trong chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung của bên mua bảo hiểm được tính toán bởi chuyên gia tính toán và được ghi nhận tại chỉ tiêu Dự phòng nghiệp vụ trên Bảng cân đối kế toán. Phí bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận riêng biệt cho doanh thu của Quỹ đầu tư bảo hiểm liên kết chung (cho mục đích đầu tư) và Quỹ bảo hiểm liên kết chung chính (cho mục đích bảo hiểm).

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Trong năm, hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp 1/24.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”.

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí trong năm tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái chưa được tính vào chi phí trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp 1/24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí (Tiếp theo)

Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhân thọ bao gồm chi đáo hạn hợp đồng, chi giải ước hợp đồng trước hạn, và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm. Các khoản chi phí này được ghi nhận trên cơ sở các hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm được phê duyệt bởi Công ty.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của các công ty này. Quỹ dự trữ bắt buộc được phản ánh vào khoản mục “quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.198.521.313	2.046.494.793
Tiền gửi ngân hàng	711.585.990.433	528.522.380.570
Tiền đang chuyển	40.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	1.267.380.000.000	2.141.510.000.000
	1.981.204.511.746	2.672.078.875.363

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có thời gian đáo hạn trong vòng 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129.616.443.765	181.193.110.433
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (i)	3.308.455.000.000	4.564.860.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn	43.000.000.000	492.372.089.700
- Hợp đồng ủy thác với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt (ii)	-	432.372.089.700
- Các khoản ủy thác khác	43.000.000.000	60.000.000.000
Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (iii)	23.813.323.818	23.813.323.818
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (iv)	635.000.000.000	695.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác (v)	197.972.628.907	370.200.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(213.529.969.597)	(192.304.136.855)
	4.124.327.426.893	6.135.134.387.096

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng phản ánh tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (ii) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.
- (iii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá thị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.
- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty có chức năng định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà đối tác không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng về khả năng tài chính của đối tác cũng như giá trị tài sản bảo đảm và thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản đầu tư có dấu hiệu suy giảm giá trị.
- (v) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:
 - Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với giá trị 167.972.628.907 đồng, thời hạn thanh toán là tháng 02 năm 2013. Lãi dự thu phải thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 35.672.222.222 đồng (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 35.672.222.222 đồng). Công ty đã dùng ghi nhận lãi dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, đồng thời tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã trích lập dự phòng cho số lãi phải thu quá hạn với số tiền là 35.672.222.222 đồng (được trình bày tại khoản mục “Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi”) và trích lập dự phòng cho gốc trái phiếu với số tiền 84.000.000.000 đồng (được trình bày tại khoản mục “Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn”).
 - Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam có giá trị 30 tỷ đồng đã được các cổ đông thông qua phương án và kế hoạch giải thể công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng	6.809.399.005.259	1.375.440.865.030
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	492.845.747.662	328.171.991.265
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	178.524.969.146	171.263.903.782
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	398.642.228.591	316.583.894.663
Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm (i)	5.324.016.641.804	-
Phải thu về hoạt động tài chính	406.733.863.462	508.496.559.567
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	1.848.909.840	2.674.599.542
Các khoản phải thu khác của khách hàng	6.786.644.754	48.249.916.211
Dự phòng phải thu khó đòi	(206.640.033.896)	(211.302.670.366)
Dự phòng phải thu khó đòi phí bảo hiểm	(94.079.330.111)	(110.374.092.160)
Dự phòng phải thu khó đòi lãi ủy thác đầu tư dài hạn	(39.877.039.901)	(39.877.039.901)
Dự phòng phải thu khó đòi lãi dự thu trái phiếu	(35.672.222.222)	(35.672.222.222)
Dự phòng phải thu khó đòi khác	(37.011.441.662)	(25.379.316.083)

(i) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 232 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI - hai công ty con của Công ty đã áp dụng Thông tư này từ năm tài chính 2014 trở đi, theo đó khoản mục “Phải thu khách hàng” tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tăng thêm 5.324.016.641.804 đồng.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trả trước theo hợp đồng mua bán căn hộ	96.191.095.147	96.191.095.147
Trả trước khác	63.925.379.343	47.426.824.126
	160.116.474.490	143.617.919.273

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam về chuyển nhượng bệnh viện	-	47.321.768.568
Tạm ứng bồi thường bảo hiểm gốc	-	32.065.519.767
Khác	59.142.102.469	24.437.631.383
	59.142.102.469	103.824.919.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	30.480.564.806	34.040.757.188
Thẻ chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.870.119.012	1.127.066.673
	32.350.683.818	35.167.823.861

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	34.619.360.820	60.545.382.627	120.854.188.952	216.018.932.399
Tăng trong năm	77.799.623.393	4.922.363.636	66.830.895.180	149.552.882.209
- Mua sắm mới	-	4.922.363.636	66.619.373.386	71.541.737.022
- XDCB hoàn thành (i)	77.799.623.393	-	-	77.799.623.393
- Tăng khác	-	-	211.521.794	211.521.794
Giảm trong năm	-	1.550.311.000	17.678.704.024	19.229.015.024
Tại ngày 31/12/2014	112.418.984.213	63.917.435.263	170.006.380.108	346.342.799.584
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	14.589.581.241	34.449.159.840	44.207.464.029	93.246.205.110
Trích khấu hao	3.485.024.688	7.326.552.471	32.990.337.668	43.801.914.827
Tăng khác	-	-	232.297.208	232.297.208
Giảm khác	-	1.790.994.594	5.263.667.695	7.054.662.289
Tại ngày 31/12/2014	18.074.605.929	39.984.717.717	72.166.431.210	130.225.754.856
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	94.344.378.284	23.932.717.546	97.839.948.898	216.117.044.728
Tại ngày 31/12/2013	20.029.779.579	26.096.222.787	76.646.724.923	122.772.727.289

- (i) Thể hiện phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá trị này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 49.486.337.216 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 43.466.555.626 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	104.730.326.708	27.581.865.340	132.312.192.048
Tăng trong năm	30.532.036.011	-	30.532.036.011
Giảm trong năm	7.570.251.882	-	7.570.251.882
Tại ngày 31/12/2014	127.692.110.837	27.581.865.340	155.273.976.177
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	41.768.539.317	-	41.768.539.317
Trích khấu hao	32.273.795.140	-	32.273.795.140
Giảm trong năm	2.093.844.897	-	2.093.844.897
Tại ngày 31/12/2014	71.948.489.560	-	71.948.489.560
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	55.743.621.277	27.581.865.340	83.325.486.617
Tại ngày 31/12/2013	62.961.787.391	27.581.865.340	90.543.652.731

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án tòa nhà văn phòng PVI Tower tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội (i)	257.816.082.102	1.164.281.365.059
Dự án Costa Nha Trang (ii)	432.372.089.700	-
Khác	1.297.116.269	343.784.000
	691.485.288.071	1.164.625.149.059

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

(ii) Thể hiện giá trị các căn hộ tại dự án Costa Nha Trang mà Công ty đã nhận chuyển nhượng và bàn giao tài sản từ Công ty Cổ phần TD và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt, tương ứng với giá trị hợp đồng ủy thác kinh doanh vốn có chỉ định mục đích với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt như trình bày tại Thuyết minh số 6. Hiện tại, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu và hoàn thiện các công đoạn cuối cùng để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	-
Xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	915.980.376.607
Tại ngày 31/12/2014	<u>915.980.376.607</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	-
Trích khấu hao	23.189.376.624
Tại ngày 31/12/2014	<u>23.189.376.624</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	<u>892.790.999.983</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>

- (i) Thể hiện phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần khối lượng đã hoàn thành và cho thuê.
Giá trị này có thể thay đổi sau khi quyết toán giá trị công trình.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Theo đánh giá của Công ty, Công ty thực hiện mua bất động sản đầu tư theo giá thị trường nên giá trị bất động sản đầu tư đang ghi nhận trên sổ sách kế toán đã phản ánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (i)	122.316.450.509	138.721.893.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt (ii)	-	102.000.000.000
Giá trị gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết	122.316.450.509	240.721.893.200
(Lỗ) thuận từ đầu tư vào công ty liên kết	(49.159.194.401)	(41.676.147.539)
	73.157.256.108	199.045.745.661

- (i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 1.608.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 theo hình thức khớp lệnh.
- (ii) Công ty đã chuyển nhượng 2.400.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt theo Hợp đồng số 01/2014/PVI-BMT ngày 05 tháng 3 năm 2014 với giá trị chuyển nhượng bằng mệnh giá, tương đương 24.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt sau khi chuyển nhượng là 19,5% tương đương 78 tỷ đồng và phần vốn còn lại này được chuyển sang phần cổ phiếu trong danh mục đầu tư dài hạn khác tại Thuyết minh số 16.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Tp. Hà Nội, Việt Nam	32,1	32,1	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính

Thông tin tài chính tóm tắt về đầu tư vào công ty liên kết của Công ty như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	199.045.745.661	410.428.986.379
Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm	(104.676.596.676)	(155.440.992.197)
Phản (lỗ) từ đầu tư vào công ty liên kết	(8.374.141.764)	(53.655.810.905)
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	(12.837.751.113)	(2.286.437.616)
Số dư cuối năm	73.157.256.108	199.045.745.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ phiếu (i)	575.200.276.773	409.097.437.904
Trái phiếu (ii)	839.694.603.695	10.000.000.000
Ủy thác đầu tư (iii)	170.107.360.801	170.107.360.801
Khác (iv)	1.681.600.000.000	1.600.000.000
	3.266.602.241.269	590.804.798.705

- (i) Phản ánh khoản vốn góp vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.
- (ii) Các khoản đầu tư trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, bao gồm:
- Các khoản đầu tư trái phiếu chính phủ có kỳ hạn từ 10 năm đến 15 năm với tổng số tiền 764.694.603.695 đồng. Trái phiếu được hưởng lãi suất từ 8,7%/năm đến 9,4%/năm và sẽ đáo hạn vào năm 2019, năm 2024 và năm 2029.
 - Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) có kỳ hạn 5 năm với số tiền 75 tỷ đồng. Trái phiếu được hưởng lãi suất 9%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 19 tháng 02 năm 2019.
- (iii) Phản ánh số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản ủy thác cho vay này đã quá hạn trả gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ gốc và lãi quá hạn với tổng số tiền là 209.984.400.702 đồng (trong đó dự phòng cho gốc quá hạn là 170.107.360.801 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 17 và dự phòng cho lãi quá hạn là 39.877.039.901 đồng được trình bày tại Thuyết minh số 7) trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất về khả năng trả nợ của đối tác.
- (iv) Phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên 1 năm tại các tổ chức tín dụng trong nước.

17. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng ủy thác đầu tư dài hạn	(170.107.360.801)	(170.107.360.801)
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(30.903.677.104)	(23.019.754.817)
	(201.011.037.905)	(193.127.115.618)

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	104.062.011.034	114.687.513.742
Tăng	70.126.278.794	26.602.257.860
Phân bổ vào chi phí trong năm	(67.519.004.589)	(37.227.760.568)
Tại ngày cuối năm	106.669.285.239	104.062.011.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	198.718.886.975	127.769.232.659
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	-	18.084.775.452
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	130.963.620.497	116.598.043.854
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	1.106.896.536.914	1.002.820.689.674
Các khoản phải trả khác cho người bán	144.755.166.527	247.358.619.239
	1.581.334.210.913	1.512.631.360.878

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2014
		Số phải nộp		
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.923.185.143	385.839.091.307	373.597.816.496	20.164.459.954
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.096.352.189	115.945.903.739	166.878.045.242	35.164.210.686
Thuế môn bài	-	51.000.000	51.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	9.845.271.155	58.907.564.968	59.907.443.337	8.845.392.786
	103.864.808.487	560.743.560.014	600.434.305.075	64.174.063.426

Đơn vị: VND

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	113.841.560.568
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	33.605.154.159	40.197.208.333
Cổ tức phải trả (ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	-	114.484.021.600
Phải trả khác	53.729.377.710	33.929.579.933
	87.334.531.869	302.452.370.434

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng phí (i)	3.115.100.056.079	1.138.646.979.544
Dự phòng bồi thường (i)	4.447.506.769.257	604.823.791.008
Dự phòng dao động lớn	123.066.404.144	122.209.255.172
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	1.160.005.744.752	916.862.901.270
	8.845.678.974.232	2.782.542.926.994

(i) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI - hai công ty con của Công ty đã áp dụng Thông tư này từ năm tài chính 2014 trở đi, theo đó khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn” tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tăng thêm 5.324.016.641.804 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (i)	530.000.000.000	502.397.110.500
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	35.788.885.952
	<u>530.000.000.000</u>	<u>538.185.996.452</u>

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) bao gồm 2 khoản:

- a) Ngày 21 tháng 8 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 500.000.000.000 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (Thuyết minh số 11, 13 và 14).

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 72.700.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 430.000.000.000 đồng.

- b) Ngày 28 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Long Biên với số tiền 127.397.110.500 đồng. Công ty sử dụng bất động sản hình thành từ vốn vay là tòa nhà văn phòng PVI tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay này (Thuyết minh số 11, 13 và 14).

Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty và Eximbank đã ký sửa đổi, bổ sung về việc ân hạn khoản vay, theo đó phần nợ gốc còn lại sẽ được trả đều làm 6 kỳ, mỗi kỳ 21.232.851.750 đồng bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016. Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2014 là 8,3%/năm, sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố cộng biên độ 1,0%/năm. Số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 100.000.000.000 đồng.

Khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	-	70.000.000.000
Trong năm thứ hai	66.500.000.000	156.849.277.626
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	463.500.000.000	381.336.718.826
	<u>530.000.000.000</u>	<u>608.185.996.452</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	70.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>530.000.000.000</u>	<u>538.185.996.452</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***MẪU SỐ B 09-DN/HN****24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(138.219.350.615)	179.211.820.775	69.119.766.469	307.684.456.115	6.083.277.876.764 (19.008.710.360)
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(19.008.710.360)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	355.438.039.354	355.438.039.354
Phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(24.952.228.785)	(24.952.228.785)
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	19.181.671.931	(19.181.671.931)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(29.861.384.229)	(29.861.384.229)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(181.003.813.600)	(181.003.813.600)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(3.762.203.029)	(3.762.203.029)
Khác	-	-	-	-	-	(5.428.841.516)	(5.428.841.516)
Tại ngày 01/01/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(157.228.060.975)	179.211.820.775	88.301.438.400	398.932.352.379	6.174.698.734.599
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(5.186.920.000)	-	-	-	(5.186.920.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	245.709.325.412	245.709.325.412
Phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	33.041.999.694	33.041.999.694
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	-	-	-	18.937.008.040	(18.937.008.040)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(26.245.256.001)	(26.245.256.001)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(225.414.167.000)	(225.414.167.000)
Khác	-	-	-	-	-	(5.372.966.760)	(5.372.966.760)
Tại ngày 31/12/2014	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(162.414.980.975)	179.211.820.775	107.238.446.440	401.714.279.684	6.191.230.749.944

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

(ii) Tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, cổ tức của năm 2013 được trả với tỷ lệ 10% mệnh giá (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu).

Ngày 06 tháng 6 năm 2014, theo Nghị quyết số 07/NQ-PVI, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án trả cổ tức của năm 2013 với tỷ lệ 10% mệnh giá bằng tiền mặt. Toàn bộ số cổ tức này đã được Công ty thanh toán trong năm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Vốn góp tại ngày		Vốn góp tại ngày	
	31/12/2014	Tỷ lệ	31/12/2013	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	35,50	831.497.400.000	35,50
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	745.315.030.000	31,82	745.315.030.000	31,82
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	271.178.950.000	11,58	271.178.950.000	11,58
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	145.932.430.000	6,22	145.932.430.000	6,22
Cổ đông khác	348.494.860.000	14,88	348.494.860.000	14,88
	2.342.418.670.000	100	2.342.418.670.000	100

Cổ phần

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.083.700	8.827.700
Cổ phiếu phổ thông	9.083.700	8.827.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.158.167	225.414.167
Cổ phiếu phổ thông	225.158.167	225.414.167

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ, bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm		Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ		
Tài sản bộ phận	1.313.435.124.863	7.687.833.924.239	333.407.872.199	13.960.053.499.412
Nợ phải trả bộ phận	6.968.647.012.208	4.269.995.314.723	1.204.938.616.521	866.301.399.236
			(4.964.312.009.806)	18.330.418.410.907
			(1.866.960.678.872)	11.442.921.663.816

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bảo hiểm		Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ		
Doanh thu thuần theo bộ phận	2.370.547.829.241	947.236.526.878	21.956.951.463	1.155.738.098.444
Bảo hiểm	2.370.547.829.241	947.236.526.878	21.956.951.463	-
Đầu tư	-	-	-	1.155.738.098.444
Chi phí theo bộ phận	2.082.559.171.983	1.012.567.652.066	282.985.698.573	468.359.598.368
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	287.988.657.258	(65.331.125.188)	(261.028.747.110)	687.378.500.076
			(537.772.676.223)	3.957.706.729.803
			(143.173.766.020)	3.196.567.541.562
			(394.598.910.203)	761.139.188.241
			(249.910.956.387)	3.596.561.164.602
			(287.861.719.836)	361.145.565.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bảo hiểm		Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ			
Tài sản bộ phận	665.649.817.666	1.032.513.608.442	251.258.908.244	(3.327.452.461.009)	12.399.873.804.616
Nợ phải trả bộ phận	1.877.079.847.829	2.060.228.138.075	1.027.728.267.122	(435.844.051.068)	5.479.960.157.619

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bảo hiểm		Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm nhân thọ			
Doanh thu thuần theo bộ phận	1.889.479.373.045	973.849.040.474	106.937.829.514	(566.499.576.719)	3.444.414.473.187
Bảo hiểm	1.889.479.373.045	973.849.040.474	106.937.829.514	(206.638.277.166)	2.763.627.965.867
Đầu tư	-	-	-	(359.861.299.553)	680.786.507.320
Chi phí theo bộ phận	1.629.257.066.791	962.715.274.953	138.166.311.908	(267.143.809.405)	2.906.516.548.483
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	260.222.306.253	11.133.765.522	(31.228.482.394)	(299.355.767.314)	537.897.924.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu phí bảo hiểm gốc	5.986.730.658.480	6.125.152.936.059
Thu phí nhận tái bảo hiểm	1.046.307.655.135	917.215.205.295
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	171.548.786.730	279.233.174.939
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	38.108.645.779	15.906.761.804
Doanh thu kinh doanh phí bảo hiểm	69.823.827.071	376.291.872
	7.312.519.573.195	7.337.884.369.969

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.269.825.868.981	3.197.579.493.177
Tăng dự phòng phí	533.159.492.099	209.017.503.286
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ	243.142.843.482	916.862.901.270
Hoàn phí bảo hiểm	-	240.638.446.849
Các khoản giảm trừ khác	-	10.158.059.520
	4.046.128.204.562	4.574.256.404.102

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	1.735.734.296.236	1.160.921.236.219
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	496.176.110.705	551.105.970.608
Các khoản giảm trừ:	(1.015.642.443.504)	(770.692.141.129)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(1.008.259.716.875)	(760.496.020.406)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(3.573.100.957)	(5.729.320.565)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(3.809.625.672)	(4.466.800.158)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(98.645.311.559)	(65.044.935.749)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường	143.841.230.808	(114.470.986.462)
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	99.502.460.531	77.399.280.790
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.312.512.733.696	347.017.799.829
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	61.583.802.301	82.592.331.601
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	133.340.802.892	205.233.803.850
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	36.120.314.710	59.191.664.378
- Chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác (i)	1.081.467.813.793	-
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phí bảo hiểm	72.734.613.486	-
	2.746.213.690.399	1.186.236.224.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP (Tiếp theo)

- (i) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 232 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI - hai công ty con của Công ty đã áp dụng Thông tư này từ năm tài chính 2014 trở đi, theo đó khoản mục “Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ” cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 tăng thêm 1.081.467.813.793 đồng do ghi nhận từ chi phí bán hàng sang chi phí kinh doanh bảo hiểm.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.673.479.076.913	1.186.236.224.106
Chi phí nguyên vật liệu	66.668.204.365	67.702.014.043
Chi phí nhân công	260.670.381.989	462.633.506.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.265.086.591	46.551.772.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.756.492.121	759.436.018.735
Chi phí khác	123.315.644.924	143.527.877.236
	3.418.154.886.903	2.666.087.413.184

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	486.370.117.829	474.050.579.207
Lãi đầu tư trái phiếu	54.956.496.569	18.973.495.996
Lãi kinh doanh cổ phiếu	13.517.504.460	4.531.422.481
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	20.330.413.314	56.674.394.361
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.699.552.500	791.689.100
Lãi chênh lệch tỷ giá	65.243.293.302	39.463.493.692
Doanh thu từ hoạt động mua và cam kết bán lại	-	4.065.553.864
Doanh thu hoạt động tài chính khác	56.572.124.960	135.891.689.518
	699.689.502.934	734.442.318.225

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	8.269.910.698	252.447.897
Chi phí hoạt động kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá	-	6.397.222.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá	58.466.145.527	28.507.846.152
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	26.250.559.129	162.840.462.674
Chi phí lãi vay	41.930.299.838	-
Chi phí tài chính khác	48.157.452.337	41.711.890.837
	183.074.367.529	239.709.869.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	361.145.565.201	537.897.924.704
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(47.862.161.812)	(4.003.095.467)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.699.552.500)	(791.689.100)
- Hoàn nhập dự phòng công ty con	(41.760.501.276)	-
- Thu nhập không chịu thuế khác	(3.402.108.036)	(3.211.406.367)
Cộng:	211.426.777.468	195.944.712.162
- Lỗ thuần đầu tư vào công ty liên kết	3.628.432.434	7.712.273.413
- Thù lao Hội đồng Quản trị	334.000.000	214.800.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	1.024.644.403	800.811.167
- Chi phí mua bảo hiểm hưu trí	3.417.000.000	-
- Lỗ tính thuế tại Công ty mẹ và PVI Sunlife	202.386.026.246	10.826.770.112
- Chi phí không được khấu trừ khác	636.674.385	176.390.057.470
Thu nhập chịu thuế	524.710.180.857	729.839.541.399
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.436.239.789	182.459.885.350

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	278.751.325.106	330.485.810.569
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	Cổ phiếu	225.306.636	226.250.518
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	1.237	1.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt khoảng 75% giá trị hợp đồng.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI ("PVI Asset Management - PVI AM") với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, trong đó Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) góp 32.500.000.000 đồng, tương ứng với 65%.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	530.000.000.000	608.185.996.452
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.981.204.511.746	2.672.078.875.363
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	6.191.230.749.944	6.174.698.734.599
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.981.204.511.746	2.672.078.875.363
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.661.901.073.832	1.267.963.114.382
Đầu tư ngắn hạn	4.124.327.426.893	6.135.134.387.096
Đầu tư dài hạn	3.065.591.203.364	397.677.683.087
Tài sản tài chính khác	9.227.486.796	7.692.671.276
Tổng cộng	15.842.251.702.631	10.480.546.731.204
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.681.466.667.124	1.824.269.037.781
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	4.488.490.726.377	657.405.018.516
Các khoản vay	530.000.000.000	608.185.996.452
Tổng cộng	6.699.957.393.501	3.089.860.052.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
		31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Đô la Mỹ	USD	1.164.035.801.710	978.949.671.696	919.462.922.386	1.016.450.294.273
Won Hàn Quốc	KRW	73.523.744.494	60.812.802.909	83.371.150.725	51.965.375.806
Euro	EUR	27.979.637.024	53.862.236.842	26.265.269.835	49.320.801.105
Ringít Malaysia	MYR	2.829.573.147	3.826.091.594	2.590.584.518	5.723.823.162
Rúp Nga	RUB	217.154.036	21.590.250	2.988.487.663	5.223.422.518
Khác		29.968.494.147	10.159.646.399	17.216.964.498	11.708.409.728

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 24.457.287.932 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 10,6 tỷ đồng.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6, 7 và số 17.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.998.238.616.115	-	-	1.998.238.616.115
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.661.901.073.832	-	-	6.661.901.073.832
Đầu tư ngắn hạn	4.267.897.342.947	-	-	4.267.897.342.947
Đầu tư dài hạn	1.238.790.930.201	1.109.411.742.538	1.483.292.513.234	3.831.495.185.973
Tài sản tài chính khác	1.870.119.012	7.357.367.784	-	9.227.486.796
Tổng cộng	14.168.698.082.107	1.116.769.110.322	1.483.292.513.234	16.768.759.705.664
31/12/2014				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.668.668.742.782	12.797.924.342	-	1.681.466.667.124
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	4.488.490.726.377	-	-	4.488.490.726.377
Các khoản vay	44.000.000.000	623.482.834.000	-	667.482.834.000
Tổng cộng	6.201.159.469.159	636.280.758.342	-	6.837.440.227.501
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.967.538.612.948	480.488.351.980	1.483.292.513.234	9.931.319.478.162
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.692.262.885.625	-	-	2.692.262.885.625
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.267.963.114.382	-	-	1.267.963.114.382
Đầu tư ngắn hạn	6.315.790.318.885	-	-	6.315.790.318.885
Đầu tư dài hạn	2.843.557.534	74.244.169.523	320.589.956.030	397.677.683.087
Tài sản tài chính khác	1.127.066.673	6.565.604.603	-	7.692.671.276
Tổng cộng	10.279.986.943.099	80.809.774.126	320.589.956.030	10.681.386.673.255
31/12/2013				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.815.083.731.312	9.185.306.469	-	1.824.269.037.781
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	657.405.018.516	-	-	657.405.018.516
Các khoản vay	146.851.276.861	653.691.434.885	-	800.542.711.746
Tổng cộng	2.619.340.026.689	662.876.741.354	-	3.282.216.768.043
Chênh lệch thanh khoản thuần	7.660.646.916.409	(582.066.967.228)	320.589.956.030	7.399.169.905.211

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Công ty liên kết
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức phải trả	83.149.740.000	66.519.792.000
Cổ tức đã trả	149.669.532.000	124.724.610.000
Trà gốc ủy thác quản lý vốn	-	850.000.000.000
Chi phí lãi ủy thác quản lý vốn	-	3.718.749.999
Chi phí quản lý	5.650.743.608	6.531.838.602
Trà lãi ủy thác quản lý vốn	-	77.479.861.111
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Phí bảo hiểm gốc	1.522.498.538.686	2.445.302.281.477
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	125.047.416.926	279.924.910.666

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	122.316.450.509	138.721.893.200
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	1.007.981.700
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	60.559.163.163	60.159.680.549
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	113.841.560.568
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.762.472.125	3.728.882.901

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm là 3.977.118.682 đồng (năm 2013 là 5.001.040.679 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

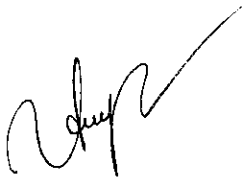
MẪU SỐ B 09-DN/HN

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

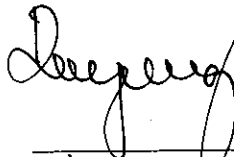
Theo Giấy phép số 55/GP-UBCK ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI được thành lập với số vốn góp của Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) là 32.500.000.000 VND, tương ứng với 65% vốn điều lệ.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

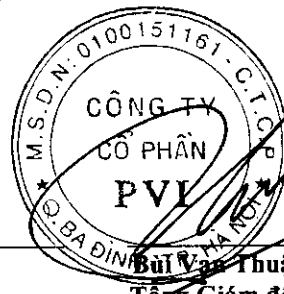
Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Đoàn Thị Hồng Thủy
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2015